TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2025/DS - PT
Ngày 26 - 6 - 2025
"V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền;

Ông Nguyễn Xuân Trọng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2025/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP Q1); Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A và tầng 2 Tòa nhà S, số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Q1; Địa chỉ: Tầng A và tầng B Tòa nhà S, số A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông V: Ông Hoàng Đình H - Chức vụ: Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và Xử lý nợ V1 - V Tây H - Ngân hàng TMCP Q1; Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người được uỷ quyền lại của ông H: Bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Minh H1 - Cán bộ Ngân hàng TMCP Q1; Đều có địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Trọng H2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Đào Thị T, sinh năm 1973;

2. Ông Vương Văn Đ, sinh năm 1972;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Đào Thị T, sinh năm 1973; Đều có địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

3. Anh Lê Văn L, sinh năm 1987;

4. Chị Lê Thị H3, sinh năm 1986;

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 01 năm 2024 và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P trình bày:*

Ngày 08/9/2022, Ngân hàng TMCP Q1 - Chi nhánh V2 - Phòng G và anh Phạm Trọng H2 ký Hợp đồng tín dụng số 7581555.22, theo đó anh H2 vay Ngân hàng số tiền 1.060.000.000 đồng. Tại Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1967913.22 ngày 09/9/2022 thể hiện anh H2 đã nhận số tiền vay của Ngân hàng là 1.060.000.000đồng; mục đích vay để xây dựng, mua sắm vật dụng gia đình tại địa chỉ thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; thời hạn vay 180 tháng, kể từ ngày 10/9/2022 đến ngày 09/9/2037; lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân là 10,7%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất này được điều chỉnh lại 03 tháng một lần, bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức giải ngân là tiền mặt; thời hạn trả nợ gốc vào ngày 09 hàng tháng, mỗi tháng trả 5.889.000đồng, số tiền nợ gốc còn lại trả khi đến hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 09/10/2022; thời hạn trả nợ lãi vào ngày 09 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên là ngày 09/10/2022.

Ngày 14/9/2022, anh H2 có ký với Ngân hàng TMCP Q1 01 Đề nghị phát hành thẻ để mở một thẻ tín dụng, theo đó Ngân hàng cấp cho anh Phạm Trọng H2 01 thẻ tín dụng, loại thẻ Travel Élite, số tài khoản thẻ 000000000687523, hạn mức thẻ 100.000.000đồng. Lãi suất áp dụng cho các giao dịch mua sắm: Miễn lãi lên đến 55 ngày, từ 0.83% đến 3.29%/tháng. Lãi suất áp dụng cho các giao dịch rút tiền từ 0.83% đến 3.29%/tháng; lãi suất áp dụng cho các giao dịch rút/ứng tiền mặt qua máy POS tại chi nhánh/phòng giao dịch V3 từ 1.22% đến 2.96%/tháng; lãi suất áp dụng cho các giao dịch trả góp tại Đơn vị chấp nhận thẻ bất kỳ từ 0.6% đến 2%/tháng tính trên số tiền gốc đăng ký trả góp. Phí thường niên thẻ chính 1.299.000đồng; phí ứng/rút tiền mặt 4%, ngoài ra còn một số loại phí theo biểu phí và điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V3.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, giữa anh Phạm Trọng H2 và Ngân hàng TMCP Q1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9773875.22 ngày 08/9/2022, được công chứng số 3631/2022/HĐTC, quyển số 14TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 08/9/2022tại Văn phòng C, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Số A, lô S, khu đô thị C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng Đ2 chi nhánh T2, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 08/9/2022. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP Q1 và anh Phạm Trọng H2 còn ký văn bản cam kết ngày 09/9/2022. Theo đó, anh H2 đã thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 719, tờ bản đồ số 44, diện tích 317m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 351900, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01533 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 19/8/2022, đứng tên người sử dụng anh Phạm Trọng H2.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H2 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, Đề nghị phát hành thẻ. Tính đến ngày 14/02/2025, anh H2 đã trả được cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, anh H2 đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền 165.891.000đồng, trong đó số tiền nợ gốc 64.779.000đồng, số tiền lãi trong hạn 100.906.633đồng, số tiền lãi quá hạn 205.367đồng.

+ Đối với Thẻ tín dụng vì là thẻ tiêu dùng thì anh H2 sử dụng tiêu dùng trước rồi thanh toán sau và không có vi phạm đến hết ngày 13/9/2023. Ngày 14/9/2023, anh H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tối thiểu dẫn đến nợ thẻ tín dụng.

Tính đến ngày 14/02/2025, anh H2 còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, anh H2 còn nợ Ngân hàng 995.221.000đồng tiền nợ gốc, 69.342.807đồng tiền nợ lãi trong hạn và 243.545.306đồng tiền nợ lãi quá hạn, tổng cộng là 1.308.109.113 đồng.

+ Đối với Thẻ tín dụng ngày 14/9/2022, anh H2 còn nợ Ngân hàng 98.690.860đồng tiền nợ gốc, 54.768.554đồng tiền nợ lãi và 37.203.040đồng tiền phí gồm phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán, phí thường niên, tổng cộng là 190.662.454đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Trọng H2 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 14/02/2025 là 1.498.771.567 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 1.093.911.860đồng, nợ tiền lãi trong hạn 124.111.361đồng, nợ tiền lãi quá hạn 243.545.306đồng, tiền phí 37.203.040 đồng.

Kể từ ngày 15/02/2025, anh H2 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc với lãi suất quá hạn 22,65%/năm của số tiền nợ gốc 995.221.000đồng; tiền

lãi của lãi trong hạn chậm trả lãi là 10%/năm của số tiền 69.342.807đồng đối với Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1967913.22 ngày 09/9/2022; Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022 và tiền lãi với mức lãi suất 39,5%/năm của số tiền nợ gốc thẻ tín dụng 98.690.860đồng, tiền phí vượt hạn mức 70.000đồng/tháng, phí chậm thanh toán 2.000.000đồng/tháng, phí thường niên 1.299.000đồng/năm đối với Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Nếu anh Phạm Trọng H2 không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Phạm Trọng H4 với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Phạm Trọng H2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

** Bị đơn anh Phạm Trọng H2:* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H2 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H2 cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Anh H2 không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh H2 không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do Ngân hàng cung cấp.

** Bà Đào Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Văn Đ trình bày:*

Giữa vợ chồng bà với anh Phạm Trọng H2 có mối quan hệ thân thiết với nhau. Anh H2 nhận kết nghĩa anh em với con trai vợ chồng bà là anh Vương Văn Q. Từ trước cho đến nay giữa vợ chồng bà, anh Q và anh H2 không có mâu thuẫn gì.

Tháng 5/2022, vợ chồng bà cần tiền nên vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho anh Phạm T1 H2 thửa đất số 719, tờ bản đồ số 44, diện tích 317m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất là 03 gian nhà xây gạch lợp tôn, 01 mái tôn trước nhà, 01 nhà vệ sinh, 02 cánh cổng sắt, 01 trụ cổng, 01 đoạn tường xây gạch chỉ cao 1,5m ở phía Tây, 02 lán tôn, 01 sân gạch, 01 cây H5, 02 cây sưa đường kính gốc 05cm, 01 cây hoa giấy và ngôi nhà 02 tầng đã xây thô. Ngoài ra, vợ chồng bà còn chuyển nhượng cho anh H2 cả phần đất ao là phần đất của vợ chồng bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất này có 01 đoạn tường xây gạch chỉ cao 02 m ở phía Đông, 01 đoạn tường xây gạch chỉ cao 03 m ở phía Đông.

Sau khi được Tòa án cho xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Phạm Trọng H2 đã có trong hồ sơ vụ án do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 giao nộp thì bà xác định thửa đất số 719, tờ bản đồ số 44, diện tích 317m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/2022 trước đây là của vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho anh H2. Đối với các tài sản trên đất là 03 gian nhà xây gạch lợp tôn, 01 mái tôn trước nhà, 01 nhà vệ sinh, 02 cánh cổng sắt, 01 trụ cổng, 01 đoạn tường xây gạch chỉ cao 1,5m ở phía Tây, 02 lán tôn, 01 sân gạch, 01 cây H5, 02 cây sưa đường kính gốc 05cm, 01 cây hoa giấy và ngôi nhà 02 tầng đã xây thô là do vợ chồng bà tạo lập; còn nhà 03 tầng do anh H2 xây tiếp và hoàn thiện từ ngôi nhà 02 tầng mua của vợ chồng bà. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng bà chuyển nhượng cho anh H2 quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất xong thì do vợ chồng bà không có chỗ ở nào khác nên anh H2 vẫn để cho vợ chồng bà ở nhờ tại nhà đất trên. Vợ chồng bà không có quyền lợi, liên quan gì đối với khối tài sản trên. Nay toàn bộ các tài sản này anh H2 đã dùng thế chấp để vay tiền ngân hàng thì vợ chồng bà không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì. Vợ chồng bà không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ nội dung gì.

Nếu giả sử anh H2 không trả được nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng phát mại toàn bộ tài sản mà anh H2 đã thế chấp để vay vốn Ngân hàng thì vợ chồng bà sẽ tự nguyện rời khỏi nhà đất trên để cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp mà không có ý kiến gì.

Đối với một phần lán lợp tôn lấn chiếm sang thửa đất số 718, tờ bản đồ số 44; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Lê Văn L, chị Lê Thị H3 thì giữa bà và anh Lê Văn L, chị Lê Thị H3 đã thỏa thuận khi nào vợ chồng anh L, chị H3 có nhu cầu sử dụng thửa đất trên hoặc khi vợ chồng anh L, chị H3 yêu cầu vợ chồng bà tháo dỡ thì vợ chồng bà sẽ tự nguyện tháo dỡ phần lán lợp tôn lấn chiếm sang thửa đất của vợ chồng anh L, chị H3 mà không có ý kiến gì.

**Anh Lê Văn L, chị Lê Thị H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh L, chị H3 trình bày:*

Vợ chồng anh, chị là chủ sử dụng thửa đất số 718, tờ bản đồ số 44; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguồn gốc thửa đất là do anh, chị nhận chuyển nhượng từ ông Lương Thành Đ1 và bà Nguyễn Thị M.

Thửa đất của vợ chồng anh, chị có phía Bắc giáp thửa đất 712; phía Nam giáp thửa đất 719; phía Đông giáp thửa đất 598; phía Tây giáp đường. Khi nhận chuyển nhượng đất trên thửa đất có 01 lán tôn.

Cạnh phía Nam thửa đất của vợ chồng anh, chị giáp với thửa đất số 719, tờ bản đồ số 44; địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trước đây là đất của bà Đào Thị T, ông Vương Văn Đ. Ở vị trí giáp đường thuộc phía Nam thửa đất của vợ chồng anh, chị thì vợ chồng bà T, ông Đ có làm một lán lợp tôn, một phần của lán tôn đã lấn chiếm sang diện tích đất của vợ chồng anh,

chị thì vợ chồng anh, chị đã biết kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng và vợ chồng anh, chị đã nói rõ với bà T, ông Đ là khi nào vợ chồng anh, chị sử dụng hoặc có yêu cầu thì bà T, ông Đ phải tự tháo dỡ để trả lại đất cho vợ chồng anh, chị.

Nay Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Q1 và anh Phạm Trọng H2 thì vợ chồng anh, chị không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì liên quan đến phần lán lợp tôn đang lấn chiếm sang diện tích đất của vợ chồng anh, chị do vợ chồng anh, chị hiện chưa có nhu cầu sử dụng. Khi nào vợ chồng anh, chị có nhu cầu sử dụng thửa đất trên hoặc thấy cần thiết thì vợ chồng anh, chị sẽ yêu cầu bà T, ông Đ tháo dỡ phần lán lợp tôn đã làm lấn chiếm sang thửa đất của vợ chồng anh, chị sau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/ DSST ngày 14/02/2025, Tòa án nhân dân huyện Tam Dương đã Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

Buộc anh Phạm Trọng H2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 tổng số tiền tính đến ngày 14/02/2025 là 1.498.771.567 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 1.093.911.860đồng, nợ tiền lãi trong hạn 124.111.361đồng, nợ tiền lãi quá hạn 243.545.306đồng, tiền phí 37.203.040 đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, nợ gốc là 995.221.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 69.342.807đồng, nợ lãi quá hạn là 243.545.306đồng.

Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022, nợ gốc 98.690.860đồng, nợ lãi 54.768.554đồng và 37.203.040đồng tiền phí gồm phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán, phí thường niên.

Kể từ ngày 15/02/2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, anh Phạm Trọng H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với số tiền 995.221.000đồng, theo mức lãi suất 10%/năm đối với Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1967913.22 ngày 09/9/2022; khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với số tiền 98.690.860đồng theo mức lãi suất 10%/năm đối với Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022 và anh Phạm Trọng H2 còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ lãi trong hạn 69.342.807đồng theo mức lãi suất 10%/năm đối với Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1967913.22 ngày 09/9/2022. Ngoài ra, anh Phạm Trọng H2 còn phải trả tiền phí vượt hạn mức 70.000đồng/tháng, phí chậm thanh toán 2.000.000đồng/tháng, phí thường niên 1.299.000đồng/năm đối với Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ đối với Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022.

2. Trong trường hợp anh Phạm Trọng H2 không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ, đó là quyền

sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền vớithửa đất số 719, tờ bản đồ số 44, diện tích 317m^2, được cấp đứng tên chủ sử dụng đất anh Phạm Trọng H2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG351900, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01533 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 19/8/2022, địa chỉ thửa đất thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong trường hợp phát mại tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Phạm Trọng H2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Nếu số tiền phát mại tài sản còn thừa sau khi đã trả đủ khoản nợ cho Ngân hàng thì trả lại cho anh Phạm Trọng H2.

Ngoài ra còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 28/02/2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án phúc thẩm tuyên "Kể từ ngày 15/02/2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, anh Phạm Trọng H2 còn phải chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1967913.22 ngày 09/9/2022; Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022; khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ lãi trong hạn chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1967913.22 ngày 09/9/2022; khoản tiền phí phát sinh theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022".

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp văn bản trình bày ý kiến ngày 09/6/2025 nêu các căn cứ cho yêu cầu kháng cáo của mình, ngoài ra không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì thêm. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ngân hàng vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1, áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 14/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc về phần lãi suất sau ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: Buộc anh H2 phải chịu lãi suất 20%/năm của số tiền nợ gốc 995.221.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và lãi suất 20%/năm của số tiền nợ gốc thẻ tín dụng 98.690.860 đồng.

Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ theo quy định, bị đơn, người liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng và hợp đồng thế chấp:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1- Chi nhánh V2 - Phòng G và anh Phạm Trọng H2 đã ký Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng) ngày 08/9/2022, theo đó anh H2 vay Ngân hàng số tiền 1.060.000.000 đồng và ký 01 Đề nghị phát hành thẻ để mở một thẻ tín dụng ngày 14/9/2022, hạn mức thẻ 100.000.000đồng. Mục đích vay để xây dựng, mua sắm vật dụng gia đình. Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên giữa hai bên xảy ra tranh chấp.

Xét thấy nguyên đơn là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh tín dụng theo Luật tổ chức tín dụng, khi ký kết hợp đồng tín dụng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, các điều khoản trong hợp đồng không trái quy định của pháp luật thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng được lập thành văn bản về nội dung và hình thức đều phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên tham gia.

[2.2] Đối với hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay, anh Phạm Trọng H2 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 9773875.22 ngày 08/9/2022 và văn bản cam kết ngày 09/9/2022 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 719, tờ bản đồ số 44, diện tích 317m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 351900, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS01533 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 19/8/2022, đứng tên người sử dụng anh Phạm Trọng H2.

Việc ký kết hợp đồng thế chấp dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự. Về hình thức và nội dung của hợp đồng đều tuân thủ các quy định của pháp luật; Hợp đồng thế chấp được công chứng vàđăng ký giao dịch đảm bảo đảm theo quy định của pháp luật. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của anh H2 tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là tài sản hợp pháp của anh H2.

[2.3] Về nội dung kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1:

Như nội dung nhận định ở trên, Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng và anh Phạm Trọng H2 phù hợp cả về nội dung và hình thức, do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân số tiền như thỏa thuận cho bị đơn. Tuy nhiên đến thời hạn thanh toán, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 khởi kiện yêu cầu anh H2 phải thanh toán tổng số tiền còn nợ 1.498.771.567đồng, trong đó số tiền nợ gốc 1.093.911.860đồng, nợ tiền lãi trong hạn 124.111.361 đồng, nợ tiền lãi quá hạn 243.545.306đồng, tiền phí 37.203.040đồng tính đến ngày xét xử ngày 14/02/2025 và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 15/02/2025; tiền lãi phát sinh trên số tiền lãi trong hạn như đề nghị của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H2 đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H2 không đến Tòa án làm việc nên trong hồ sơ không có lời khai của anh H2. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị L1 (mẹ đẻ của anh H2), anh H2 đã nhờ bà L1 trình bày với Tòa án là anh H2 đồng ý trả khoản nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về mặt thời gian để anh H2 trả dần số tiền nợ gốc và đề nghị Ngân hàng xem xét miễn cho anh H2 một phần số tiền lãi phải trả vì anh H2 đang gặp khó khăn về kinh tế. Trong trường hợp anh H2 không trả được nợ cho Ngân hàng thì anh H2 đồng ý để Ngân hàng phát mại toàn bộ tài sản mà anh H2 đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng. Đối với phần nhà xây vượt ra ngoài diện tích đất mà anh H2 được cấp giấy chứng nhận thì anh H2 sẽ tự nguyện tháo dỡ để bàn giao tài sản cho Ngân hàng, vì vậy có cơ sở để xác định trên thực tế có việc anh H2 vay tiền của Ngân hàng như Ngân hàng trình bày ở trên, bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và không có ý kiến gì.

Đối với lãi quá hạn: Ngân hàng kháng cáo yêu cầu kể từ ngày 15/02/2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, anh Phạm Trọng H2 còn phải chịu lãi suất áp dụng đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022 tương ứng số tiền 995.221.000 đồng là 22,6%/năm; lãi suất áp dụng đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022 tương ứng số tiền 98.690.860 đồng là 39,5%/năm.

Hội đồng xét xử nhận thấy, khi ký kết hợp đồng tín dụng và đề nghị cấp Thẻ tín dụng giữa ngân hàng và anh H2 có thỏa thuận về lãi suất nhưng phương pháp áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo chính sách của V3, phù hợp với quy định pháp luật; lãi 10,7% tại thời điểm giải ngân trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn trên sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần theo lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,1%/năm. Khoản dư nợ gốc được cấp tín dụng đến hạn chưa thanh toán sẽ là nợ quá hạn tính bằng 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn 1.4.6. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi suất cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022 mà Ngân hàng điều chỉnh đang áp dụng là 15,10%/năm, lãi suất quá hạn là 22,65%/năm

Đối với Thẻ tín dụng, lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất do Ngân hàng quy định đối với từng thời kỳ; Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022 đang áp dụng mức lãi suất là 39,5%/năm.

Mặc dù việc thỏa thuận là do các bên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*". Như vậy, mức lãi suất Ngân hàng đề nghị áp dụng theo Hợp đồng tín dụng và đề nghị cấp Thẻ tín dụng không phù hợp theo quy định pháp luật.

Theo hướng dẫn tại khoản 1, 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, ngày 15/2/2025 cho đến khi thi hành án xong anh H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số dư nợ gốc theo mức lãi suất của đối với Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là phù hợp, vừa đảm bảo quyền lợi của anh H2 và Ngân hàng.

[2.4] Trường hợp anh Phạm Trọng H2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 719, tờ bản đồ số 44, diện tích 317m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 351900, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS01533 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 19/8/2022, đứng tên người sử dụng anh Phạm Trọng H2.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 và sửa một phần bản án sơ

thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương về việc tính lãi suất quá hạn theo hướng như phân tích ở trên.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 14/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc về phần lãi suất sau ngày xét xử sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1.

Buộc anh Phạm Trọng H2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 tổng số tiền tính đến ngày 14/02/2025 là 1.498.771.567 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 1.093.911.860đồng, nợ tiền lãi trong hạn 124.111.361đồng, nợ tiền lãi quá hạn 243.545.306đồng, tiền phí 37.203.040 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, nợ gốc là 995.221.000đồng, nợ lãi trong hạn là 69.342.807đồng, nợ lãi quá hạn là 243.545.306 đồng.

- Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022, nợ gốc 98.690.860đồng, nợ lãi 54.768.554đồng và 37.203.040đồng tiền phí gồm phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán, phí thường niên.

Kể từ ngày 15/02/2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, anh Phạm Trọng H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với số tiền 995.221.000đồng, theo mức lãi suất 20%/năm (đối với Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1967913.22 ngày 09/9/2022); và Khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với số tiền 98.690.860đồng theo mức lãi suất 20%/năm (đối với Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022) và anh Phạm Trọng H2 còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ lãi trong hạn 69.342.807đồng theo mức lãi suất 10%/năm đối với Hợp đồng tín dụng số 7581555.22 ngày 08/9/2022, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1967913.22 ngày 09/9/2022. Ngoài ra, anh Phạm Trọng H2 còn phải trả tiền phí vượt hạn mức 70.000đồng/tháng, phí chậm thanh toán 2.000.000đồng/tháng, phí thường niên 1.299.000đồng/năm đối với Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022

cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ đối với Đề nghị phát hành thẻ ngày 14/9/2022.

2. Trong trường hợp anh Phạm Trọng H2 không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ, đó là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền vớithửa đất số 719, tờ bản đồ số 44, diện tích 317m^2, được cấp đứng tên chủ sử dụng đất anh Phạm Trọng H2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG351900, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01533 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 19/8/2022, địa chỉ thửa đất thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong trường hợp phát mại tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Phạm Trọng H2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Nếu số tiền phát mại tài sản còn thừa sau khi đã trả đủ khoản nợ cho Ngân hàng thì trả lại cho anh Phạm Trọng H2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Trọng H2 phải nộp 56.963.000đồng (năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.753.000đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006957 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số số 0000691 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặcbị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc
- Tòa án nhân dân huyện Tam Dương;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Mạnh